

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
- VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VĨNG TÀU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Quang Ninh

Chủ tịch hội đồng quản trị

Ông Chu Văn Chuyên

Phó Chủ tịch hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Quang Minh

Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Trần Thị My

Trưởng ban kiểm soát

Ông Bùi Đăng Hùng

Thành viên Ban kiểm soát

Bà Phan Thị Minh

Thành viên Ban kiểm soát

Ban điều hành, quản lý

Ông Nguyễn Quang Ninh

Tổng Giám đốc

Ông Chu Văn Chuyên

Trợ lý Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thái An

Kế toán trưởng

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Nguyễn Quang Ninh, chức danh Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



NGUYỄN QUANG NINH – Tổng Giám đốc

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 25 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu, được lập ngày 24 tháng 02 năm 2017, từ trang 6 đến trang 38 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Chúng tôi chưa nhận được xác nhận liên quan đến các khoản sau: Phải thu của khách hàng (*Xem thuyết minh số V.2*); Trả trước cho người bán (*Xem thuyết minh số V.3*); Phải thu khác (*Xem thuyết minh số V.4*); Phải trả người bán (*Xem thuyết minh số V.12*); Người mua trả tiền trước (*Xem thuyết minh số V.13*); Phải trả khác (*Xem thuyết minh số V.16*). Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, Chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về tính hợp lý của các khoản trên. Vì vậy, Chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Công ty chưa thực hiện việc xử lý khoản hàng tồn kho bị thiếu số tiền 4.717.395.710 VND (*Xem thuyết minh số V.6*). Nếu Công ty xử lý khoản trên vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thì chỉ tiêu "Lỗ trước thuế" sẽ tăng tương ứng là 4.717.395.710 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi lưu ý thêm với người đọc Báo cáo này một số vấn đề sau:

- Quyền sử dụng đất của Công ty tại số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngày 05 tháng 03 năm 2012 Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 393/QĐ-UBND về việc thu hồi lại Quyền sử dụng đất của căn nhà số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để chuyển trả cho chủ sở hữu cũ là bà Châu Mỹ Lang. Tại ngày 25 tháng 04 năm 2015, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 487/QĐ-BXD về việc không công nhận Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 05 tháng 03 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hiện nay tranh chấp này vẫn chưa được giải quyết xong. Giá trị Quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 932.560.000 VND (Quyền sử dụng đất tại số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không thời hạn sử dụng nên Công ty không trích khấu hao).
- Quyền sử dụng đất kho Bến Cát của Công ty tại Ấp Lò Ô, Xã An Tây, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương do ông Lê Quý Bình từng là thành viên Hội đồng quản trị Công ty đứng tên. Giá trị Quyền sử dụng đất kho Bến Cát tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.845.101.492 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.945.228.352 VND).
- Khoản lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 95.393.010.460 VND và cũng tại ngày này, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt hơn tài sản ngắn hạn một khoản là 18.614.838.854 VND. Vì vậy, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Theo đó, Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VÕ THỊ THU HƯƠNG - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0455-2013-037-1



HUỖNH NGỌC BÁ LINH - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3569-2016-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.722.876.686	22.902.800.543
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.879.895.578	3.375.914.020
Tiền	111		4.879.895.578	3.375.914.020
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.968.103.151	11.932.560.605
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	42.955.946.352	41.638.946.480
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	92.313.392	107.630.678
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	3.821.322.978	3.804.777.230
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(39.617.827.906)	(38.336.226.243)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.6	4.716.348.335	4.717.432.460
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	9.257.346.384	6.998.150.792
Hàng tồn kho	141		9.257.346.384	6.998.150.792
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		617.531.573	596.175.126
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	233.619.921	161.647.892
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		383.911.652	430.232.930
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	4.294.304
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		65.667.171.062	68.261.482.168
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		132.900.000	610.900.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.9	-	188.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	132.900.000	422.900.000
II. Tài sản cố định	220		38.069.508.620	39.879.058.273
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	34.194.184.542	35.891.127.275
Nguyên giá	222		60.721.701.045	60.703.455.045
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.527.516.503)	(24.812.327.770)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.875.324.078	3.987.930.998
Nguyên giá	228		4.857.830.069	4.857.830.069
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(982.505.991)	(869.899.071)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27.464.762.442	27.771.523.895
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	27.464.762.442	27.771.523.895
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		92.390.047.748	91.164.282.711

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		53.225.104.666	46.282.792.630
I. Nợ ngắn hạn	310		45.337.715.540	37.374.975.426
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	39.593.153.010	30.000.817.747
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	2.668.430.152	1.829.725.288
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	951.563.487	970.053.915
4. Phải trả người lao động	314		949.234.614	497.609.481
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	-	412.996.176
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	1.175.121.809	2.367.560.351
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	-	1.294.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	212.468	2.212.468
II. Nợ dài hạn	330		7.887.389.126	8.907.817.204
Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	7.887.389.126	8.907.817.204
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39.164.943.082	44.881.490.081
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	39.164.943.082	44.881.490.081
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		96.000.000.000	96.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>96.000.000.000</i>	<i>96.000.000.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		35.149.050.000	35.149.050.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.823.272.048	2.823.272.048
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		585.631.494	585.631.494
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(95.393.010.460)	(89.676.463.461)
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>(89.676.463.461)</i>	<i>(78.732.411.340)</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>(5.716.546.999)</i>	<i>(10.944.052.121)</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		92.390.047.748	91.164.282.711

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24 tháng 02 năm 2017



NGUYỄN QUANG NINH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÁI AN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÁI AN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃU B02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2016	2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	174.387.774.564	158.789.550.084
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	16.500.926.940	13.396.630.897
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		157.886.847.624	145.392.919.187
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	132.975.287.608	125.111.016.828
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.911.560.016	20.281.902.359
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	21.301.330	13.761.117
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.808.517.974	658.135.009
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.808.517.974</i>	<i>658.135.009</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	29.851.866.715	28.781.619.312
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	6.326.987.293	5.051.774.752
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(13.054.510.636)	(14.195.865.597)
11. Thu nhập khác	31		8.282.820.255	3.295.810.064
12. Chi phí khác	32		944.856.618	43.996.588
13. Lợi nhuận khác	40	VI.8	7.337.963.637	3.251.813.476
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.716.546.999)	(10.944.052.121)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.716.546.999)	(10.944.052.121)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	(595)	(1.140)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10b	(595)	(1.140)



Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24 tháng 02 năm 2017

NGUYỄN QUANG NINH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÁI AN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÁI AN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(5.716.546.999)	(10.944.052.121)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.133.804.335	3.131.988.411
- Các khoản dự phòng	03		1.281.601.663	72.166.056
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(406.839)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(112.210.420)	(13.354.278)
- Chi phí lãi vay	06		1.808.517.974	658.135.009
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		395.166.553	(7.095.523.762)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(788.528.627)	(1.244.232.270)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.259.195.592)	(3.133.067.458)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.565.147.071	9.231.886.750
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		234.789.424	7.326.930.493
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(135.353.009)	(546.020.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.010.025.820	4.539.973.753
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.324.254.682)	(294.989.865)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		90.909.090	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	12.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.301.330	13.354.278
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.212.044.262)	(469.635.587)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	1.405.171.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.294.000.000)	(3.368.165.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.294.000.000)	(1.962.994.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.503.981.558	2.107.343.666
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.375.914.020	1.268.163.515
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	406.839
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	4.879.895.578	3.375.914.020



Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24 tháng 02 năm 2017

NGUYỄN QUANG NINH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÁI AN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÁI AN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500755050 ngày 21 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi đến lần thứ 5 số 3500755050 vào ngày 02 tháng 11 năm 2016 thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Quang Ninh, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 567/QĐ-SGDHN ngày 15 tháng 09 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng 9.600.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 96.000.000.000 VND. Ngày 30 tháng 09 năm 2009, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VMG.

Theo Quyết định số 261/QĐ-SGDHN ngày 26 tháng 07 năm 2012 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, hủy niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu, mã chứng khoán VMG, lý do hủy do cổ phiếu VMG không có giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 12 tháng. Quyết định có hiệu lực từ ngày 26 tháng 07 năm 2012.

- **Vốn điều lệ** : 96.000.000.000 VND
Số cổ phiếu : 9.600.000 cổ phiếu
Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại : (064) 3 512572
- Fax : (064) 3 512571
- Mã số thuế : 3 5 0 0 7 5 5 0 5 0

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Kinh doanh bất động sản;

Kinh doanh và chiết nạp các sản phẩm khí hóa lỏng (LPG); Kinh doanh xăng dầu;

Kinh doanh các dịch vụ khách sạn và du lịch;

Sản xuất thực phẩm;

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chế biến hải sản xuất khẩu (Doanh nghiệp không được chế biến trong khu dân cư, chỉ được hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của Luật bảo vệ môi trường);

Chế biến lâm sản xuất khẩu;

Chế biến nông sản xuất khẩu;

Kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng, công nghệ thực phẩm; Kinh doanh nguyên vật liệu phục vụ ngành in; Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật đo lường và kiểm tra chất lượng các thiết bị dầu khí và chiết nạp gas;

Dịch vụ kỹ thuật cung ứng vật tư hóa phẩm, thiết bị phụ tùng, thực phẩm và vật dụng khác cho các công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác chế biến dầu khí;

Tổ chức sửa chữa chống ăn mòn giàn khoan biển và phương tiện nổi dầu khí;

Kinh doanh máy móc thiết bị phục vụ xây dựng; kinh doanh đồ điện gia dụng; Kinh doanh phương tiện vận tải;

Kinh doanh sắt thép, ống thép, thép phôi, sắt thép xây dựng;

Xây dựng nhà các loại;

Xây dựng công trình đường bộ;

Xây dựng công trình công ích;

Phá dỡ;

Chuẩn bị mặt bằng;

Hoàn thiện công trình xây dựng;

Kiểm định kỹ thuật an toàn đối với máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; Giám định, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa; Kiểm định phương tiện đo lường;

Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa tương tự bằng kim loại để chứa hoặc phục vụ sản xuất; Sản xuất thùng chứa bằng kim loại cho nén và hóa lỏng khí đốt; sản xuất nồi hơi trung tâm và nồi cấp nhiệt;

Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành theo Luật Đầu tư.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 chi nhánh. Chi tiết như sau:

Chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu – Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	110A Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Giao dịch, tiếp thị, thực hiện các hợp đồng kinh tế của Công ty đã ký, giao nhận hàng hóa theo sự phân công của Tổng Giám đốc Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu tại Đồng Nai	Áp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh và chiết nạp các sản phẩm khí hóa lỏng (LPG)
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu tại Bình Dương	Số 218A, Ấp Lò Ô, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật đo lường và kiểm tra chất lượng các thiết bị dầu khí và chiết nạp gas

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 82 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 80 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là kỳ kế toán năm thứ 11 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty kinh doanh thua lỗ 95.393.010.460 VND cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tại ngày này, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt hơn tài sản ngắn hạn một khoản là 18.614.838.854 VND. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh. Theo đó, Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ; -
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phụ không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc thiết bị	3 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10
Thiết bị văn phòng	5

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất, chi phí liên quan Quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ thời gian sử dụng của quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện chi phí kiểm toán.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chưa giải quyết, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

12. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền	31/12/2016	31/12/2015
Tiền mặt	927.217.776	831.136.066
Tiền gửi ngân hàng	3.952.677.802	2.544.777.954
Cộng	4.879.895.578	3.375.914.020
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH An Thuận (*)	1.747.432.923	1.747.432.923
Công ty TNHH Tân Toàn Phát	531.973.038	184.200.106
Công ty TNHH Korea Foam	263.084.181	234.911.084
Công ty Cổ phần đúc chính xác CQS May'S	934.683.447	2.356.283.945
Công ty TNHH Kinh doanh gas Tân Tiến (*)	639.984.254	722.253.329
Công ty TNHH CN Năng lượng Hitachi Chemical VN-CSB	1.582.887.878	-
Công ty Quang Trung	1.026.867.242	-
Công ty Cổ phần ĐB gas (*)	531.975.336	531.975.336
Công ty gas Khánh Hòa (*)	653.500.923	653.500.923
Công ty TNHH Miền Đông (*)	751.092.862	751.092.862
DNTN gồm NM Nghĩa Thành (*)	528.360.529	528.360.529
Công ty TNHH gạch men Hoàng Gia (*)	993.766.298	993.766.298
Công ty TNHH Đầu tư Minh Quang (*)	11.797.348.653	11.797.348.653
Công ty Khoáng sản Quốc tế PASC (*)	10.506.984.826	10.506.984.826
DNTN Thuận Hương (*)	1.542.028.500	1.542.028.500
Nguyễn Ngọc Quý (*)	291.462.725	302.330.325
Tám Lang (*)	974.977.390	1.004.977.390
Anh Hiền (*)	296.759.852	296.759.852
Công ty S-A CN Nam Thuận (*)	303.638.102	303.638.102
Nhật Minh (*)	760.196.148	760.196.148
Hoàng Anh (*)	296.891.972	296.891.972
Gas Mẫn (*)	1.726.976.621	1.746.976.621
Công ty Minh Phước Quang (*)	484.169.000	484.169.000
Các khách hàng khác (*)	3.788.903.652	3.892.867.756
Cộng	42.955.946.352	41.638.946.480
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH An Thuận	1.747.432.923	1.747.432.923
Cộng	1.747.432.923	1.747.432.923
(*) Công nợ chưa nhận được thư xác nhận	29.950.533.861 VND	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Điện lực Long Thành	4.210.348	4.210.348
Công ty TNHH Tam Kỳ	24.493.643	24.493.643
Công ty TNHH Công nghệ thông tin Bông Mai	30.000.000	-
Công ty TNHH Thiết kế in ấn bao bì Tân Thành Phú	24.548.000	-
Các nhà cung cấp khác	9.061.401	78.926.687
Cộng (*)	<u>92.313.392</u>	<u>107.630.678</u>

(*) Công nợ chưa nhận được thư xác nhận

4. Phải thu khác

	<u>31/12/2016</u>		<u>31/12/2015</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	3.821.322.978	3.589.370.290	3.804.777.230	3.456.787.905
Tạm ứng	252.512.268	146.082.651	213.162.951	146.082.651
Các khoản phải thu khác	3.568.810.710	3.443.287.639	3.591.614.279	3.417.432.219
b) Phải thu dài hạn khác	132.900.000	-	422.900.000	-
Ký cược, ký quỹ	132.900.000	-	422.900.000	-
Cộng (*)	<u>3.954.222.978</u>	<u>3.589.370.290</u>	<u>4.227.677.230</u>	<u>3.456.787.905</u>

(*) Công nợ chưa nhận được thư xác nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Nợ xấu	31/12/2016			31/12/2015		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	36.003.963.973	-	36.003.963.973	34.781.798.278	9.086.905	34.772.711.373
Công ty TNHH Đầu tư Minh Quang	11.797.348.653	-	11.797.348.653	11.797.348.653	-	11.797.348.653
Công ty Khoáng sản Quốc tế PASC	10.506.984.826	-	10.506.984.826	10.506.984.826	-	10.506.984.826
DNTN Thuận Hương	1.542.028.500	-	1.542.028.500	1.542.028.500	-	1.542.028.500
Gas Mãn	1.726.976.621	-	1.726.976.621	1.746.976.621	-	1.746.976.621
Tám Lang	974.977.390	-	974.977.390	1.004.977.390	-	1.004.977.390
Công ty TNHH An Thuận	1.326.835.920	-	1.326.835.920	-	-	-
Các khách hàng khác	8.128.812.063	-	8.128.812.063	8.183.482.288	9.086.905	8.174.395.383
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	24.493.643	-	24.493.643	-	-	-
Công ty Tam Kỳ	24.493.643	-	24.493.643	-	-	-
<i>Các khoản tạm ứng</i>	146.082.651	-	146.082.651	146.082.651	-	146.082.651
Lê Xuân Hào	36.800.272	-	36.800.272	36.800.272	-	36.800.272
Nguyễn Văn Anh	61.000.000	-	61.000.000	61.000.000	-	61.000.000
Các khoản tạm ứng khác	48.282.379	-	48.282.379	48.282.379	-	48.282.379
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	3.443.287.639	-	3.443.287.639	3.417.432.219	-	3.417.432.219
Công ty Cổ phần Công nghệ An toàn Dầu khí	3.053.985.415	-	3.053.985.415	3.053.985.415	-	3.053.985.415
Các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi khác	389.302.224	-	389.302.224	363.446.804	-	363.446.804
Cộng	39.617.827.906	-	39.617.827.906	38.345.313.148	9.086.905	38.336.226.243

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2016	31/12/2015
Hàng tồn kho (*)	4.716.348.335	4.717.432.460
Cộng	4.716.348.335	4.717.432.460

(*) Khoản chênh lệch do kiểm kê kho gas phát sinh lũy kế từ các năm trước đến nay chưa giải quyết. Công ty chưa có hướng xử lý cho khoản này.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	985.251.315	-	1.025.549.090	-
Hàng hóa	8.272.095.069	-	5.972.601.702	-
Cộng	9.257.346.384	-	6.998.150.792	-

8. Chi phí trả trước

	31/12/2016	31/12/2015
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	233.619.921	161.647.892
Công cụ, dụng cụ	6.280.292	45.664.430
Phí bảo hiểm	14.421.416	8.218.039
Phí sử dụng đường bộ	15.299.834	10.987.713
Chi phí sửa chữa	194.247.546	86.681.350
Chi phí khác	3.370.833	10.096.360
b) Chi phí trả trước dài hạn	27.464.762.442	27.771.523.895
Chi phí công cụ, dụng cụ	27.055.778.052	27.129.198.865
Chi phí thuê nhà xưởng	224.186.262	291.079.382
Chi phí khác	184.798.128	351.245.648
Cộng	27.698.382.363	27.933.171.787

9. Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Cửa hàng Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng Thế Thuận	-	-	188.000.000	-
Cộng	-	-	188.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2016	8.896.082.284	43.403.211.451	8.309.875.596	94.285.714	60.703.455.045
Tăng trong năm	-	586.636.500	737.618.182	-	1.324.254.682
Mua trong năm	-	54.965.000	737.618.182	-	792.583.182
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	531.671.500	-	-	531.671.500
Giảm trong năm	-	-	1.306.008.682	-	1.306.008.682
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.306.008.682	-	1.306.008.682
31/12/2016	8.896.082.284	43.989.847.951	7.741.485.096	94.285.714	60.721.701.045
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2016	4.188.178.224	13.773.370.663	6.756.493.169	94.285.714	24.812.327.770
Tăng trong năm	474.939.468	2.136.722.489	409.535.458	-	3.021.197.415
Khấu hao trong năm	474.939.468	2.136.722.489	409.535.458	-	3.021.197.415
Giảm trong năm	-	-	1.306.008.682	-	1.306.008.682
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.306.008.682	-	1.306.008.682
31/12/2016	4.663.117.692	15.910.093.152	5.860.019.945	94.285.714	26.527.516.503
Giá trị còn lại					
31/12/2015	4.707.904.060	29.629.840.788	1.553.382.427	-	35.891.127.275
31/12/2016	4.232.964.592	28.079.754.799	1.881.465.151	-	34.194.184.542
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:					
31/12/2015	29.882.643	203.439.444	3.910.585.588	94.285.714	4.238.193.389
31/12/2016	3.623.765.679	203.439.444	2.604.576.906	94.285.714	6.526.067.743

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá			
01/01/2016	4.668.279.000	189.551.069	4.857.830.069
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
31/12/2016	4.668.279.000	189.551.069	4.857.830.069
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2016	781.441.918	88.457.153	869.899.071
Tăng trong năm	103.129.368	9.477.552	112.606.920
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>103.129.368</i>	<i>9.477.552</i>	<i>112.606.920</i>
Giảm trong năm	-	-	-
31/12/2016	884.571.286	97.934.705	982.505.991
Giá trị còn lại			
31/12/2015	3.886.837.082	101.093.916	3.987.930.998
31/12/2016	3.783.707.714	91.616.364	3.875.324.078

(*) Quyền sử dụng đất là giá trị của 2 lô đất đang xảy ra tranh chấp của Công ty:

- Quyền sử dụng đất kho Bến Cát tại Ấp Lò Ô, Xã An Tây, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương do ông Lê Quý Bình từng là thành viên Hội đồng quản trị Công ty đứng tên. Giá trị còn lại Quyền sử dụng đất kho Bến Cát tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.845.101.492 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.945.228.352 VND).

- Quyền sử dụng đất của Công ty tại số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngày 05 tháng 03 năm 2012 Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 393/QĐ-UBND về việc thu hồi lại Quyền sử dụng đất của căn nhà số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để chuyển trả cho chủ sở hữu cũ là bà Châu Mỹ Lang. Tại ngày 25 tháng 04 năm 2015, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 487/QĐ-BXD về việc không công nhận Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 05 tháng 03 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hiện nay tranh chấp này vẫn chưa được giải quyết xong. Giá trị Quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 932.560.000 VND (Quyền sử dụng đất tại số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không thời hạn sử dụng nên Công ty không trích khấu hao).

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH An Thuận	29.839.430.747	29.839.430.747	21.545.459.308	21.545.459.308
Công ty Cổ phần MT Gas	5.693.385.786	5.693.385.786	-	-
Công ty TNHH Thiên Mã	1.762.218.700	1.762.218.700	736.617.833	736.617.833
Các nhà cung cấp khác	2.298.117.777	2.298.117.777	7.718.740.606	7.718.740.606
Cộng (*)	39.593.153.010	39.593.153.010	30.000.817.747	30.000.817.747

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Công nợ chưa nhận được thư xác nhận

	31/12/2016	31/12/2015
Phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán		
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	8.750.000	8.750.000
Viện khoa học & công nghệ Hàng Hải	36.300.000	36.300.000
Công Ty CP Năng lượng Tân Hưng	7.359.997	7.359.997
Công Ty TNHH TM Đầu tư Nhật Minh	31.667.335	31.667.335
Công Ty TNHH Bình khí đốt Hong Vi Na	131.120.000	131.120.000
Công Ty TNHH TM DV Cơ khí Tân Tiến	280.850	280.850
Công Ty TNHH DV Bảo vệ Trường Thành	52.800.000	52.800.000
Công ty Đại Lợi	833.167.128	833.167.128
Tạp chí Chứng khoán	5.000.000	5.000.000
Cộng	1.106.445.310	1.106.445.310
Phải trả người bán là các bên liên quan		
Công ty TNHH An Thuận	29.839.430.747	21.545.459.308
Cộng	29.839.430.747	21.545.459.308

13. Người mua trả tiền trước

Công ty TNHH Nam Việt Phát	480.198.586	353.609.701
Thủy Linh	444.686.609	291.183.399
Kim Hoàng NAT	224.738.875	227.824.225
Minh Đại	254.981.450	61.911.875
Các khách hàng khác	1.263.824.632	895.196.088
Cộng (*)	2.668.430.152	1.829.725.288

(*) Công nợ chưa nhận được thư xác nhận:

1.780.877.938 VND

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2016
Thuế GTGT hàng bán nội địa/ dịch vụ cung cấp trong nước	(4.294.304)	40.813.815	36.519.511	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	33.848.956	85.586.504	100.431.973	19.003.487
Các loại thuế khác	936.204.959	46.008.460	49.653.419	932.560.000
<i>Thuế nhà đất</i>	<i>936.204.959</i>	<i>40.008.460</i>	<i>43.653.419</i>	<i>932.560.000</i>
<i>Thuế môn bài</i>	<i>-</i>	<i>6.000.000</i>	<i>6.000.000</i>	<i>-</i>
Cộng	965.759.611	172.408.779	186.604.903	951.563.487

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	4.294.304	-
-------------------------------------	-----------	---

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2016
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	970.053.915			951.563.487

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.9

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo quy định hiện hành.

15. Chi phí phải trả

	31/12/2016	31/12/2015
Phí dịch vụ	-	60.000.000
Chi phí lãi vay	-	112.115.009
Chi phí lương tháng 13	-	235.500.667
Khác	-	5.380.500
Cộng	-	412.996.176

16. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	1.175.121.809	2.367.560.351
Tài sản thừa chờ giải quyết	359.342.234	139.553.282
Kinh phí công đoàn	202.979.208	165.248.208
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	612.800.367	2.062.758.861
b) Phải trả dài hạn khác	7.887.389.126	8.907.817.204
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	7.887.389.126	8.907.817.204
Cộng	9.062.510.935	11.275.377.555

(*) Công nợ chưa nhận được thư xác nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vay và nợ tài chính

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Vay	Trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đông Á (i)	3.000.000	3.000.000	-	3.000.000	-	-
Ông Trần Hồng Quân (ii)	1.291.000.000	1.291.000.000	-	1.291.000.000	-	-
Cộng	1.294.000.000	1.294.000.000	-	1.294.000.000	-	-

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đông Á – Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh

Hạn mức vay : 14.200.000.000 VND

Thời hạn vay : 15 ngày kể từ ngày 19 tháng 10 năm 2011 đến ngày 03 tháng 11 năm 2011

Lãi suất : 34,5%/ năm

Tài sản đảm bảo : 05 bồn chứa LPG dung tích 118 tấn và căn nhà tại số 110A Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

(ii) Hợp đồng vay cá nhân số 01/VV-VMG-2015 ngày 15 tháng 4 năm 2015 để bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay từ ngày 15 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>2016</u>	<u>2015</u>
Tại ngày 01 tháng 01	2.212.468	2.212.468
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-
Chi các quỹ	<u>(2.000.000)</u>	<u>-</u>
Tại ngày 31 tháng 12	<u><u>212.468</u></u>	<u><u>2.212.468</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2015	96.000.000.000	35.149.050.000	2.823.272.048	585.631.494	(78.732.411.340)	55.825.542.202
Lãi (lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	(10.944.052.121)	(10.944.052.121)
31/12/2015	96.000.000.000	35.149.050.000	2.823.272.048	585.631.494	(89.676.463.461)	44.881.490.081
01/01/2016	96.000.000.000	35.149.050.000	2.823.272.048	585.631.494	(89.676.463.461)	44.881.490.081
Lãi (lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	(5.716.546.999)	(5.716.546.999)
31/12/2016	96.000.000.000	35.149.050.000	2.823.272.048	585.631.494	(95.393.010.460)	39.164.943.082

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.600.000	9.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.600.000	9.600.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.600.000</i>	<i>9.600.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.600.000	9.600.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.600.000</i>	<i>9.600.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Đô la Mỹ	USD	250,33	250,33

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>2016</u>	<u>2015</u>
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	169.676.325.318	157.185.576.521
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.711.449.246	1.603.973.563
Cộng	<u>174.387.774.564</u>	<u>158.789.550.084</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty TNHH An Thuận	29.361.959.545	23.462.046.993
Cộng	<u>29.361.959.545</u>	<u>23.462.046.993</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại	16.499.274.213	13.396.630.897
Hàng bán bị trả lại	1.652.727	-
Cộng	<u>16.500.926.940</u>	<u>13.396.630.897</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	2016	2015
Giá vốn của hàng hóa đã bán	132.975.287.608	125.111.016.828
Cộng	132.975.287.608	125.111.016.828

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.301.330	13.354.278
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	406.839
Cộng	21.301.330	13.761.117

5. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	1.808.517.974	658.135.009
Cộng	1.808.517.974	658.135.009

6. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	4.912.395.792	4.611.565.457
Chi phí nguyên vật liệu	13.363.816.472	10.679.590.563
Chi phí khấu hao	2.928.541.805	1.657.872.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.156.426.577	10.071.296.194
Chi phí bằng tiền khác	1.490.686.069	1.761.294.145
Cộng	29.851.866.715	28.781.619.312

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	3.844.523.107	2.771.455.492
Chi phí nguyên vật liệu	208.891.722	4.316.500
Chi phí khấu hao	205.262.530	1.409.903.568
Thuế, phí và lệ phí	59.610.717	27.407.677
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.281.601.663	72.166.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	727.097.554	766.525.459
Cộng	6.326.987.293	5.051.774.752

8. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thu nhập khác	8.282.820.255	3.295.810.064
Doanh thu ký quỹ vô bình	2.769.578.083	3.156.854.570
Doanh thu trao đổi vô bình	5.327.884.192	-
Thu từ thanh lý TSCĐ	90.909.090	-
Thu nhập khác	94.448.890	138.955.494
Chi phí khác	944.856.618	43.996.588
Các khoản bị phạt hành chính	473.259.154	-
Chi phí khác	471.597.464	43.996.588
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	7.337.963.637	3.251.813.476

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2016	2015
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	(5.716.546.999)	(10.944.052.121)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.780.648.966	2.060.357.726
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(87.806.839)
Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản tiền và phải thu	-	(406.839)
Chi phí trích trước	-	(60.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	-	(27.400.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.780.648.966	2.148.164.565
Hoàn nhập chi phí trích trước	60.000.000	-
Chi phí không được khấu trừ	1.720.648.966	2.148.164.565
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	(3.935.898.033)	(8.883.694.395)
Thuế suất áp dụng	20%	22%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.716.546.999)	(10.944.052.121)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.716.546.999)	(10.944.052.121)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.600.000	9.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(595)	(1.140)

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	2016	2015
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.716.546.999)	(10.944.052.121)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	(5.716.546.999)	(10.944.052.121)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	2016	2015
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.600.000	9.600.000
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	9.600.000	9.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(595)	(1.140)

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2016	2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.572.708.194	10.683.907.063
Chi phí nhân công	8.756.918.899	7.383.020.949
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.133.804.335	3.067.776.521
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.883.524.131	10.837.821.653
Chi phí bằng tiền khác	2.831.898.449	1.860.867.878
Cộng	36.178.854.008	33.833.394.064

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	2016	2015
Chi phí lãi vay cần trừ công nợ	1.040.040.699	-
Chi phí lãi vay phải trả	358.986.551	112.115.009

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

	2016	2015
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong năm nay	112.115.009	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty TNHH An Thuận

Mối quan hệ

Giám đốc Công ty TNHH An Thuận là vợ của Tổng Giám đốc Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>2016</u>	<u>2015</u>
Công ty TNHH An Thuận		
Bán khí hóa lỏng	29.361.959.545	23.462.046.993
Chiết khấu thương mại	9.595.369.626	-
Mua khí hóa lỏng	107.806.857.519	90.836.522.778
Chi phí lãi vay phải trả	1.721.532.698	-
Cần trừ tiền hàng vào chi phí lãi vay	1.426.293.423	68.986.000
Cần trừ công nợ mua khí hóa lỏng	18.736.679.342	22.736.463.723
Thanh toán tiền hàng	98.440.000.000	64.000.000.000
Mượn hàng hóa	-	1.706.400.000
Trả hàng mượn	-	1.706.400.000
Phí chiết nạp	705.517.059	-
Phí đổi vỏ bình	70.000	-
Thu tiền bán vỏ	1.040.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Công ty TNHH An Thuận		
Phải thu tiền bán hàng	1.747.432.923	1.747.432.923
Phải trả tiền mua khí hóa lỏng	29.839.430.747	21.545.459.308
Phải trả lãi vay	295.239.275	-
Cho mượn hàng	159.791.575	159.791.575

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>2016</u>
Tiền lương	996.000.000

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.879.895.578	4.879.895.578	3.375.914.020	3.375.914.020
Phải thu của khách hàng	42.955.946.352	6.951.982.379	41.638.946.480	6.759.508.142
Phải thu về cho vay	-	-	188.000.000	188.000.000
Phải thu khác	3.701.710.710	258.423.071	4.014.514.279	703.809.025
Cộng	51.537.552.640	12.090.301.028	49.217.374.779	11.027.231.187

Nợ phải trả tài chính

Phải trả cho người bán	39.593.153.010	39.593.153.010	30.000.817.747	30.000.817.747
Chi phí phải trả	-	-	412.996.176	412.996.176
Phải trả khác	8.859.531.727	8.859.531.727	11.110.129.347	11.110.129.347
Các khoản vay	-	-	1.294.000.000	1.294.000.000
Cộng	48.452.684.737	48.452.684.737	42.817.943.270	42.817.943.270

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng, cụ thể ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, tiến hành phân tích tuổi nợ, đánh giá tổn thất nợ phải thu do không có khả năng thu hồi và đồng thời xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi tại ngày Báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.879.895.578	-	4.879.895.578
Phải thu của khách hàng	6.951.982.379	-	6.951.982.379
Phải thu khác	125.523.071	132.900.000	258.423.071
Cộng	11.957.401.028	132.900.000	12.090.301.028
Phải trả cho người bán	39.593.153.010	-	39.593.153.010
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	972.142.601	7.887.389.126	8.859.531.727
Cộng	40.565.295.611	7.887.389.126	48.452.684.737
Chênh lệch thanh khoản thuần	(28.607.894.583)	(7.754.489.126)	(36.362.383.709)
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.375.914.020	-	3.375.914.020
Phải thu của khách hàng	6.759.508.142	-	6.759.508.142
Phải thu về cho vay	188.000.000	-	188.000.000
Phải thu khác	280.909.025	422.900.000	703.809.025
Cộng	10.604.331.187	422.900.000	11.027.231.187
Phải trả cho người bán	30.000.817.747	-	30.000.817.747
Chi phí phải trả	412.996.176	-	412.996.176
Phải trả khác	2.202.312.143	8.907.817.204	11.110.129.347
Các khoản vay	1.294.000.000	-	1.294.000.000
Cộng	33.910.126.066	8.907.817.204	42.817.943.270
Chênh lệch thanh khoản thuần	(23.305.794.879)	(8.484.917.204)	(31.790.712.083)

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 24 tháng 02 năm 2017



NGUYỄN QUANG NINH
Giám đốc

NGUYỄN THÁI AN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÁI AN
Người lập biểu



Ha Noi Branch

- Room 1407, 137 Nguyen Ngoc Vu St., Cau Giay Ward, Ha Noi City
- Tel : (84-04) 6285 9222
- Fax : (84-04) 6285 9111
- Email : hanoi@vietlandaudit.com.vn

Kontum Representative Office

- No.1 Tran Nhan Ton St., Thang Loi Ward, Kontum City, Kontum
- Tel : (84-060) 3958 111
- Fax : (84-060) 3958 222
- Email : kontum@vietlandaudit.com.vn

Nha Trang Representative Office

- 7E FLOOR, No.42, Le Thanh Phuong Street, Nha Trang City, Khanh Hoa Province
- Tel : (84-058) 3822 757
- Fax : (84-058) 3822 795
- Email : nhatrang@vietlandaudit.com.vn

Binh Thuan Representative Office

- 371 Tran Hung Dao, Phan Thiet City, Binh Thuan
- Tel : (84-062) 6250 237
- Fax : (84-062) 6250 236
- Email : binhthuan@vietlandaudit.com.vn

Vung Tau Representative Office

- 34 Binh Gia St., Ward 8, Vung Tau City, BRVT
- Tel : (84-064) 3583 261
- Fax : (84-064) 3583 605
- Email : vungtau@vietlandaudit.com.vn

Tien Giang Representative Office

- 167/11 Nguyen Trung Truc St, My Tho City, Tien Giang Province
- Tel : (84-073) 3978 484
- Fax : (84-073) 3978 485
- Email : tiengiang@vietlandaudit.com.vn

Kien Giang Representative Office

- Lot C13 - 50 Bui Van Ba Street, Quarter 4, Vinh Lac Ward, Rach Gia City, Kien Giang Province
- Tel : (84-077) 3929 239
- Fax : (84-077) 3929 200
- Email : kien Giang@vietlandaudit.com.vn

Bac Lieu Representative Office

- 200 Nguyen Van Linh St., (New Urban Area), Ward 1, Bac Lieu City.
- Tel : (84-0781) 6255 022
- Fax : (84-0781) 6255 052
- Email : baclieu@vietlandaudit.com.vn

Soc Trang Representative Office

- No. 123, D Area, Tran Hung Dao Residential Area, Ward 2, Soc Trang City
- Tel : (84-079) 3827 079
- Fax : (84-079) 3827 079
- Email : soctrang@vietlandaudit.com.vn

Binh Dinh Representative Office

- 30 Thang 3 street, (Vinh Liem Area) Binh Dinh Ward, An Nhon Town, Binh Dinh Province.
- Tel : (84-056) 363 55 68
- Fax : (84-056) 363 55 68
- Email : binhdinh@vietlandaudit.com.vn